TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1625/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1144/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn L, sinh năm 1987; Địa chỉ: 46E đường B, phường HT, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Đặng Thị V, sinh năm 1992; Địa chỉ: KDC K, phường CT, tỉnh Quảng Ngãi;

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn L và bà Đặng Thị V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 29 tháng 05 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện PĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06 tháng 11 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/12/2025 ông Nguyễn L và bà Đặng Thị V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 01 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông Nguyễn L và bà Đặng Thị V thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn L và bà Đặng Thị V thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn 36, ngày 29 tháng 05 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện PĐ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn M, sinh ngày 07/03/2020 giao cho bà Đặng Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Nguyễn L, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ khi bà Đặng Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn L chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Lộc còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn L và bà Đặng Thị V phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0040303 ngày 20/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND p.Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình